BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG THƯƠNG MIỀN TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 257 /QĐ- CĐCT ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Miền Trung)

Tên ngành, nghề: KẾ TOÁN

Mã ngành, nghề: 6340301

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 03 năm

Nội dung chương trình

-Các môn học chung, môn học/mô đun đào tạo nghề

Mã môn học/mô đun	Tên môn học/mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)						
		Số tín chỉ	Tổng số (tiết)	Trong đó				
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Đào tạo tại DN	Số tiết tại DN
I	**Các môn học chung**	**29**	**655**	**181**	**421**	**53**		
I.1	***Môn học bắt buộc***	***14***	***300***	***63***	***220***	***17***		
21.00.1.01	Pháp luật 1	1	15	9	5	1		
21.00.1.02	Pháp luật 2	1	15	9	5	1		
21.00.2.01	Chính trị 1	2	30	15	13	2		
21.00.2.02	Chính trị 2	2	45	15	28	2		
21.00.3.01	Tin học	3	75	15	57	3		
21.00.4.01	Anh văn 1	2	45	0	42	3		
21.00.4.02	Anh văn 2	2	45	0	42	3		
21.00.4.03	Anh văn 3	1	30	0	28	2		
I.2	***Môn học đào tạo kỹ năng***	***15***	***355***	***118***	***201***	***36***		
21.00.05	Tư duy sáng tạo	2	30	5	22	3		
21.00.06	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	30	16	10	4		
21.00.07	Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên	2	45	17	25	3		
21.00.08	Công dân toàn cầu	3	60	30	26	4		
21.00.09	Kỹ năng mềm	2	30	10	18	2		
21.00.10	Kỹ năng phát triển bản thân	4	160	40	100	20		
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**52**	**1470**	**270**	**563**	**37**		**600**

II.1	*Các môn lý thuyết nghề*	**4**	**90**	**30**	**56**	**4**		
2140202001	Kinh tế vi mô	2	45	15	28	2		
2140202002	Tài chính doanh nghiệp	2	45	15	28	2		
II.2	*Các môn học, mô đun thực hành/ tích hợp nghề*	***38***	***930***	***240***	***507***	***33***		***150***
2140202003	Nguyên lý thống kê	2	45	15	28	2		
2140202004	Nguyên lý kế toán	3	60	30	27	3		
2140202005	Kế toán doanh nghiệp 1	3	75	30	42	3		
2140202006	Kế toán doanh nghiệp 2	3	75	30	42	3		
2140202007	Kế toán doanh nghiệp 3	3	60	30	27	3		
2140202008	Kiểm toán	2	45	15	28	2		
2140202009	Tổ chức hạch toán kế toán	3	90		87	3		
2140202010	Kế toán Excel	2	60		58	2		
2140202011	Thực hành chuyên môn 1	2	60				x	60
2120302015	Thực hành kế toán	2	60		58	2		
2120302016	Nghiệp vụ thuế	3	60	30	27	3		
2120302017	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	60	30	27	3		
2120302018	Kế toán quản trị	2	45	15	28	2		
2120302019	Kinh tế vĩ mô	2	45	15	28	2		
2120302020	Thực hành chuyên môn 2	3	90				x	90
II.3	*Thực tập doanh nghiệp*	***10***	***450***					***450***
2120302021	Thực tập tại doanh nghiệp	10	450				x	450
III	**Các môn học, mô đun tự chọn**	**6**	**150**	**28**	**116**	**6**		
2140202012	Luật kế toán	2	30	28		2		
2140202013	Phần mềm kế toán	2	60		58	2		
2140202014	Thực hành khai báo thuế	2	60		58	2		
Tổng cộng		**87**	**2275**	**479**	**1100**	**96**		**600**

- Các môn học điều kiện

Mã môn học, mô đun	**Tên môn học, mô đun**	**Thời gian đào tạo (giờ)**				
		Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Thi/ Kiểm tra
ĐK 01	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
ĐK 02	Giáo dục thể chất 1	1	30	5	23	2
ĐK 03	Giáo dục thể chất 2	1	30	5	23	2
	CỘNG	**5**	**135**	**46**	**81**	**8**